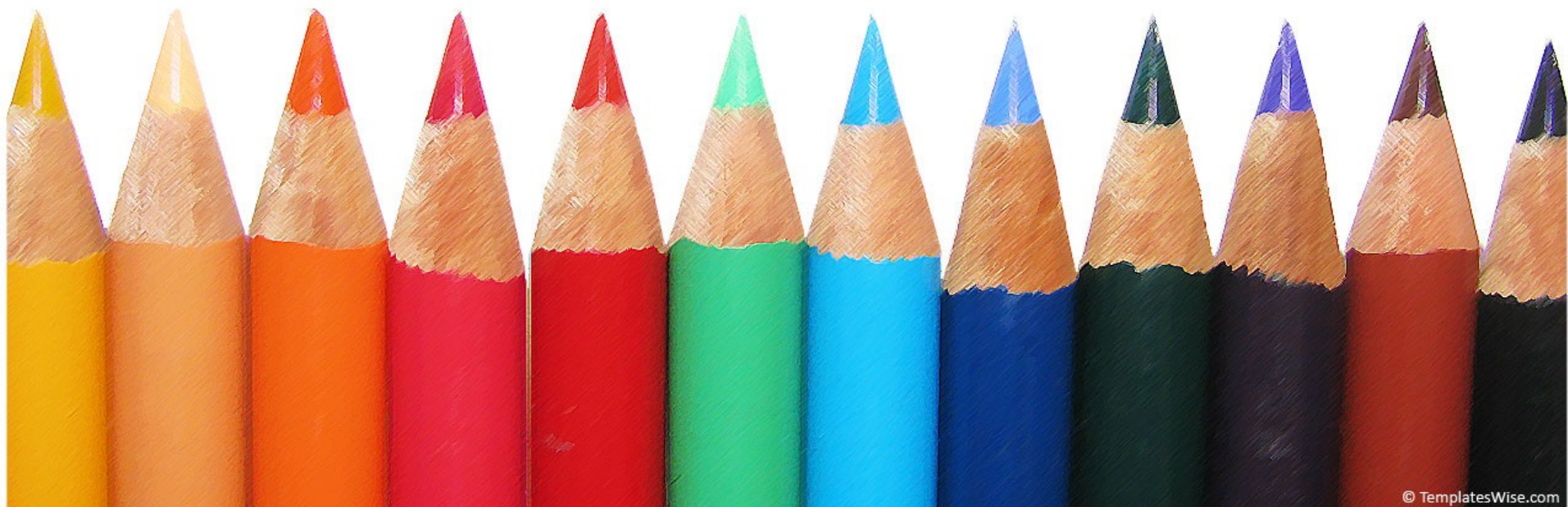


CHƯƠNG 4

PHƯƠNG PHÁP TÀI KHOẢN KẾ TOÁN

GVGD: ThS. Nguyễn Thu Hoài
Bộ môn: Kiểm toán



Nội dung chương 4

- 1 Nội dung và ý nghĩa của PP TKKT
- 2 Tài khoản kế toán
- 3 Phương pháp ghi chép trên TKKT
- 4 Kế toán tổng hợp và kế toán chi tiết
- 5 Hệ thống tài khoản kế toán



4.1 Nội dung và ý nghĩa của phương pháp tài khoản kế toán

4.1.1 Khái niệm và nội dung của phương pháp tài khoản kế toán

- **Khái niệm:** Phương pháp TKKT là phương pháp kế toán phân loại để phản ánh và kiểm tra một cách thường xuyên liên tục, toàn diện, có hệ thống về tình hình và sự vận động của từng đối tượng kế toán
- **Nội dung:**
 - + Xây dựng danh mục và kết cấu tài khoản kế toán
 - + Xây dựng phương pháp ghi chép trên tài khoản kế toán
- **Biểu hiện:**
 - + Hệ thống tài khoản kế toán
 - + Phương pháp ghi chép các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh vào các TKKT

4.1.2 Ý nghĩa của phương pháp tài khoản kế toán

- Đảm bảo cung cấp thông tin thường xuyên, liên tục và có hệ thống về đối tượng kế toán cho công tác quản lý.
- Là cơ sở để kiểm tra tính hợp pháp của các hoạt động kinh tế và nguyên nhân biến động của các đối tượng kế toán
- Cho phép hệ thống hóa số liệu để lập báo cáo kế toán cung cấp thông tin cho nhà quản lý, các tổ chức, cá nhân bên trong và bên ngoài đơn vị.

4.2 Tài khoản kế toán

4.2.1 Khái niệm và nội dung của tài khoản kế toán

a. **Khái niệm:** Tài khoản kế toán là hình thức biểu hiện của phương pháp tài khoản kế toán được sử dụng để phản ánh, kiểm tra, giám sát từng đối tượng kế toán cụ thể trong doanh nghiệp

4.2.1 **Khái niệm và nội dung của tài khoản kế toán**

b. Nội dung

- + Phản ánh tình hình và sự vận động của từng loại tài sản, từng nguồn vốn trong hoạt động của đơn vị
- + Số lượng TKKT cần mở tại mỗi DN phụ thuộc vào đặc điểm hoạt động kinh doanh và yêu cầu quản lý kinh tế tài chính của đơn vị

4.2.1 Khái niệm và nội dung của tài khoản kế toán

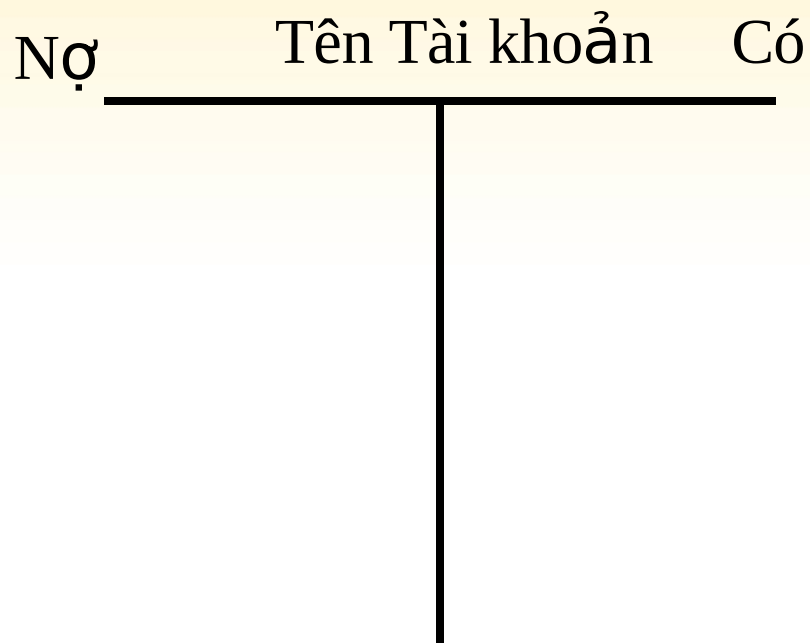
b. Nội dung

+ Tên gọi TKKT xuất phát từ tên của đối tượng kế toán mà tài khoản phản ánh, phù hợp với nội dung kinh tế của đối tượng kế toán đó

Đối tượng kế toán	Tài khoản kế toán
Tiền mặt	Tài khoản "tiền mặt"
Tiền gửi ngân hàng	Tài khoản "tiền gửi ngân hàng"
Các khoản nợ phải trả người bán	Tài khoản "phải trả cho người bán"

4.2.2 Kết cấu của tài khoản kế toán

Theo quy ước chung thì tài khoản kế toán được kết cấu theo hình thức chữ T. Bên trái gọi là bên Nợ còn bên phải gọi là bên Có.



4.2.2 Kết cấu của tài khoản kế toán

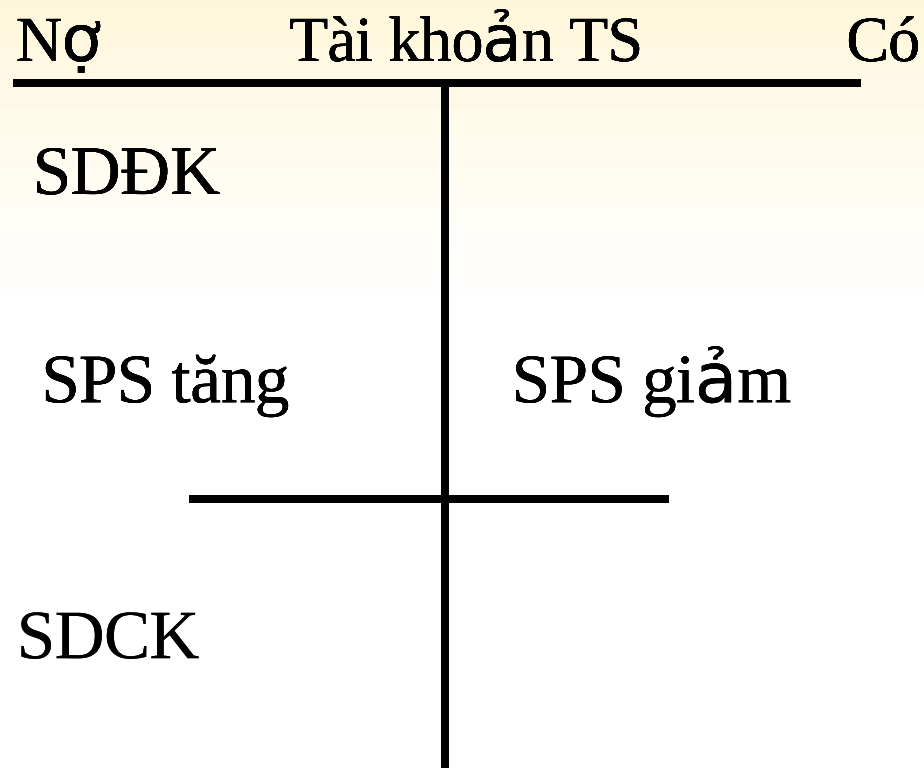
Tài khoản kế toán phản ánh các đối tượng kế toán theo 3 chỉ tiêu:

- Số dư đầu kỳ (SDĐK): phản ánh số hiện có của đối tượng kế toán tại thời điểm đầu kỳ.
- Số phát sinh trong kỳ (SPS) bao gồm:
 - + SPS tăng: phản ánh sự vận động tăng của đối tượng kế toán trong kỳ.
 - + SPS giảm: phản ánh sự vận động giảm của đối tượng kế toán trong kỳ.
- Số dư cuối kỳ (SDCK): phản ánh số hiện có của đối tượng kế toán tại thời điểm cuối kỳ. Số dư cuối kỳ của tài khoản được xác định theo công thức:

$$\text{Số dư cuối kỳ} = \text{Số dư đầu kỳ} + \text{Số phát sinh tăng trong kỳ} - \text{Số phát sinh giảm trong kỳ}$$

4.2.2 Kết cấu của tài khoản kế toán

a. Kết cấu tài khoản tài sản



4.2.2 Kết cấu của tài khoản kế toán

a. Kết cấu tài khoản tài sản

VD minh họa

Có tình hình nhập xuất hàng hóa trong tháng 1/2012 của công ty A như sau:

- + giá trị hàng hóa tồn kho đầu tháng 1/2012 là 800 triệu
- + Ngày 5/1, nhập kho lô hàng trị giá 200 triệu
- + Ngày 16/1, xuất kho lô hàng trị giá 150 triệu

Yêu cầu: Xác định số hàng còn lại ở thời điểm cuối tháng 1/2012. Phản ánh tình hình trên vào tài khoản “hàng hóa”

4.2.2 Kết cấu của tài khoản kế toán

b. Kết cấu tài khoản nguồn vốn

Nợ	Tài khoản NV	Có
		SDĐK
SPS giảm		SPS tăng
		SDCK

4.2.2 Kết cấu của tài khoản kế toán

b. Kết cấu tài khoản nguồn vốn

VD minh họa

Tại 1 doanh nghiệp thương mại X, có tài liệu về tài khoản “Vay ngắn hạn” như sau:

- + số dư đầu kỳ của tiền vay ngắn hạn 1/2012: 500 triệu
- + Ngày 15/1: vay ngắn hạn 600 triệu để trả nợ nhà cung cấp.
- + Ngày 26/1: mang tiền mặt, trả nợ vay ngắn hạn 400 triệu.

Yêu cầu: Xác định số dư tài khoản “Vay ngắn hạn” vào ngày 31/1/2012

4.2.3 Phân loại tài khoản kế toán

Nội dung kinh tế

1

Công dụng và kết cấu

2

Mức độ phản ánh

3

Mối quan hệ với báo cáo tài chính

4

**Tiêu thức phân
loại tài khoản
kế toán**

4.2.3.1 Phân loại theo nội dung kinh tế

1

Tài khoản
phản ánh
tài sản

2

Tài khoản
phản ánh
nguồn vốn

3

Tài khoản
phản ánh
quá trình
kinh doanh

1. Tài khoản phản ánh tài sản

- Tài khoản tài sản bao gồm các tài khoản phản ánh số hiện có và tình hình biến động của các đối tượng kế toán là tài sản của doanh nghiệp
- Tài khoản tài sản được chia thành 2 loại
 - + Loại tài khoản phản ánh các tài sản ngắn hạn
 - + Loại tài khoản phản ánh các tài sản dài hạn

1. Tài khoản phản ánh tài sản

**Tài khoản
tài sản
ngắn hạn**

1

Nhóm phản ánh tiền và tương đương tiền

2

Nhóm phản ánh đầu tư tài chính ngắn hạn

3

Nhóm tài sản nợ phải thu

4

Nhóm hàng tồn kho

5

Nhóm tài sản ngắn hạn khác

1. Tài khoản phản ánh tài sản

Nhóm TK phản ánh tài sản cố định, BĐS

Nhóm TK phản ánh các khoản đầu tư dài hạn

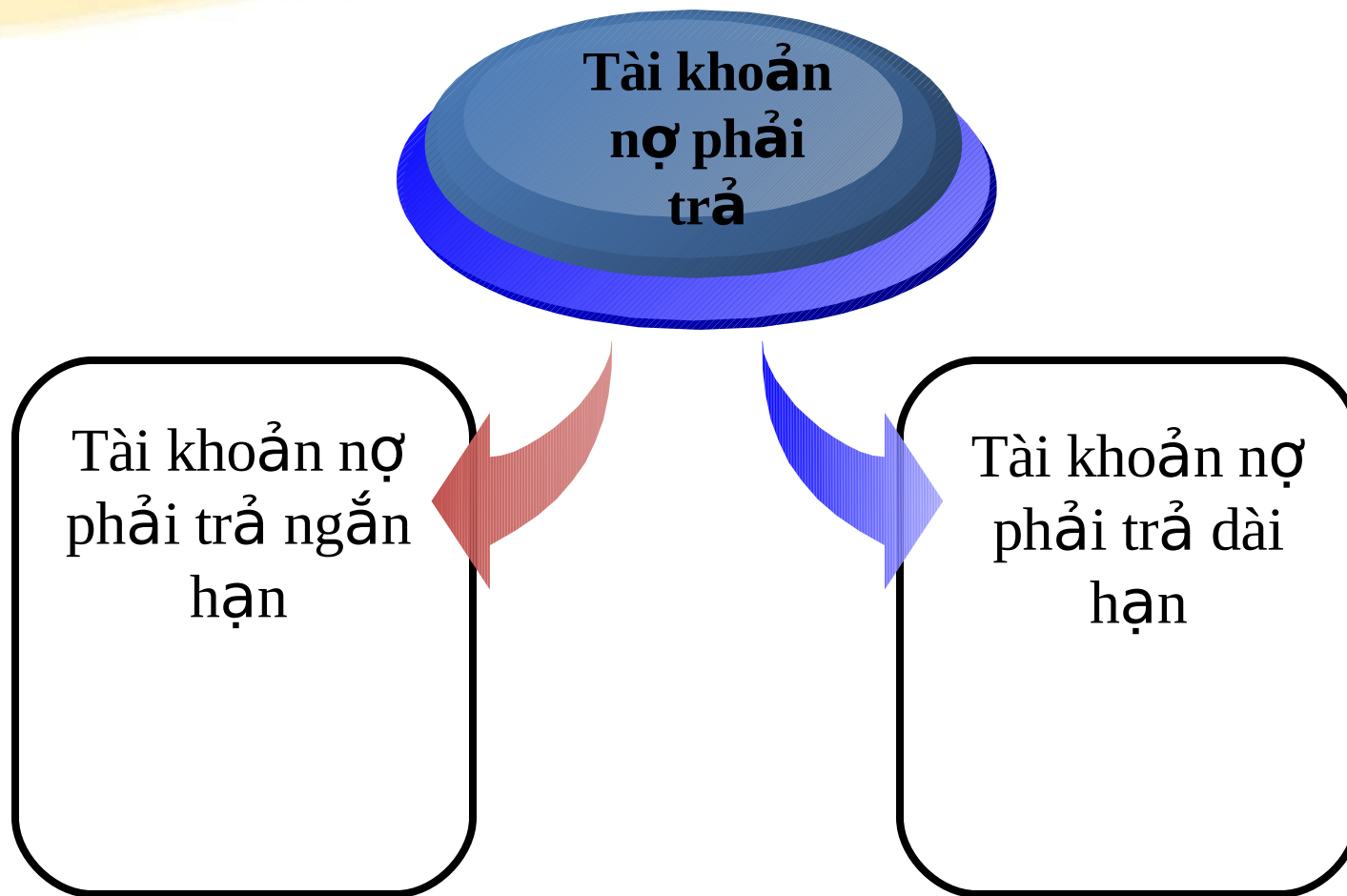
Nhóm TK phản ánh các TSDH khác

Tài khoản tài sản dài hạn

2. Tài khoản phản ánh nguồn vốn

- Tài khoản nguồn vốn bao gồm các tài khoản phản ánh số hiện có và tình hình biến động của các đối tượng là nguồn vốn của doanh nghiệp
- Tài khoản nguồn vốn được chia thành 2 loại
 - + Loại tài khoản phản ánh các khoản nợ phải trả
 - + Loại tài khoản phản ánh nguồn vốn chủ sở hữu

2. Tài khoản phản ánh nguồn vốn



2. Tài khoản phản ánh nguồn vốn

1

**Nhóm tài khoản phản ánh
nguồn vốn kinh doanh**

2

**Nhóm tài khoản phản ánh các
quỹ của đơn vị**

3

**Nhóm tài khoản phản ánh nguồn
vốn chủ sở hữu khác**

3. Tài khoản phản ánh quá trình kinh doanh

- Là nhóm các TKKT phản ánh các đối tượng kế toán là các quá trình sản xuất kinh doanh của DN
- Chia làm 4 nhóm:
 - + Nhóm TK phản ánh quá trình mua hàng
 - + Nhóm TK phản ánh quá trình sản xuất
 - + Nhóm TK phản ánh quá trình bán hàng
 - + Nhóm TK phản ánh quá trình xác định KQ kinh doanh

4.2.3.2 Phân loại theo công dụng và kết cấu

1

Loại tài khoản
chủ yếu

2

Loại tài khoản
điều chỉnh

3

Loại tài khoản
nghịệp vụ

1. Loại tài khoản chủ yếu

- Gồm các tài khoản sử dụng để phản ánh, cung cấp thông tin về từng loại tài sản, nguồn vốn chủ yếu của doanh nghiệp nhằm kiểm tra, giám đốc việc quản lý, sử dụng tài sản và nguồn vốn.
- Bao gồm 3 loại
 - + Nhóm tài khoản chủ yếu phản ánh tài sản
 - + Nhóm tài khoản chủ yếu phản ánh nguồn vốn
 - + Nhóm tài khoản chủ yếu và phản ánh tài sản, vừa phản ánh nguồn vốn (tài khoản hỗn hợp)

1. Loại tài khoản chủ yếu

- * **Chú ý:** Khi sử dụng tài khoản hỗn hợp (tài khoản lưỡng tính)
 - Khi sử dụng tài khoản loại này, bắt buộc kế toán phải mở các tài khoản chi tiết để tách biệt số dư Nợ và số dư Có để lập các chỉ tiêu trong Bảng cân đối kế toán, không được bù trừ số dư khi lên Bảng cân đối kế toán.
 - Bao gồm: tài khoản phải thu khách hàng, tài khoản phải trả người bán, TK thuế và các khoản phải trả Nhà nước

2. Tài khoản điều chỉnh

- Là những tài khoản luôn luôn được sử dụng cùng với tài khoản chủ yếu mà nó điều chỉnh nhằm phản ánh đúng giá trị thực tế của tài sản và nguồn vốn trong doanh nghiệp.
- Gồm 2 loại:
 - + *Nhóm tài khoản điều chỉnh tăng:*
 - Công dụng: số liệu trên những tài khoản này cộng thêm vào số liệu trên tài khoản chủ yếu mà nó điều chỉnh
 - Kết cấu phù hợp với kết cấu của tài khoản chủ yếu mà nó điều chỉnh.
 - + *Nhóm tài khoản điều chỉnh giảm:*
 - Công dụng: số liệu phản ánh trên tài khoản điều chỉnh giảm nhằm trừ bớt đi số liệu phản ánh trên tài khoản chủ yếu mà nó điều chỉnh.
 - Kết cấu: trái ngược với kết cấu của tài khoản chủ yếu mà nó điều chỉnh.

3. Tài khoản nghiệp vụ

- Là những tài khoản dùng để phản ánh quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh sử dụng kinh phí ở doanh nghiệp
- Gồm:
 - Nhóm tài khoản tập hợp phân phối
 - Nhóm tài khoản phân phối dự toán
 - + Chi phí trả trước
 - + Chi phí phải trả
 - Nhóm tài khoản tính giá thành
 - Nhóm tài khoản doanh thu
 - Nhóm tài khoản xác định kết quả

4.2.3.3 Phân loại theo mức độ phản ánh

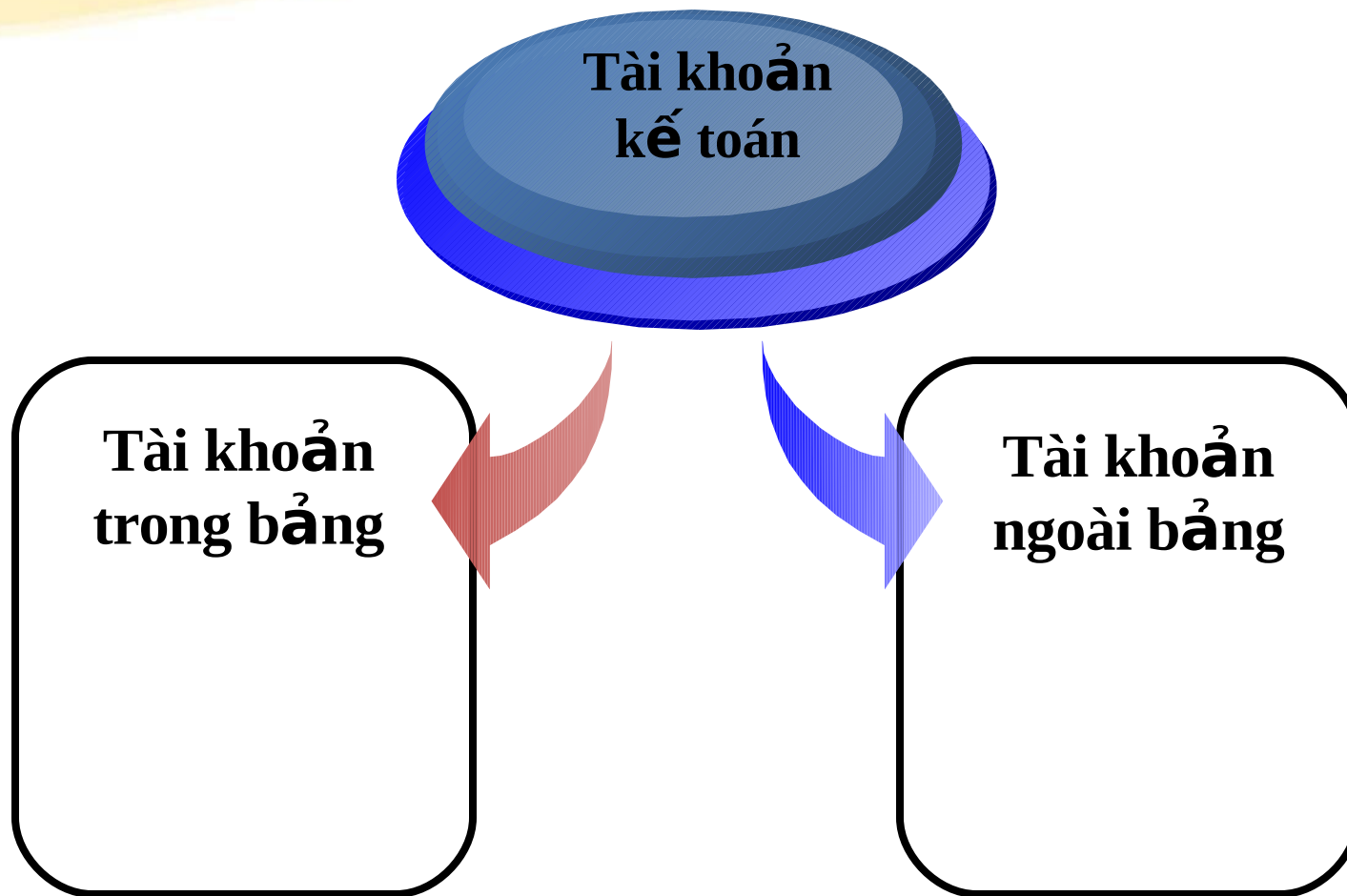
1

**Tài khoản
tổng hợp**

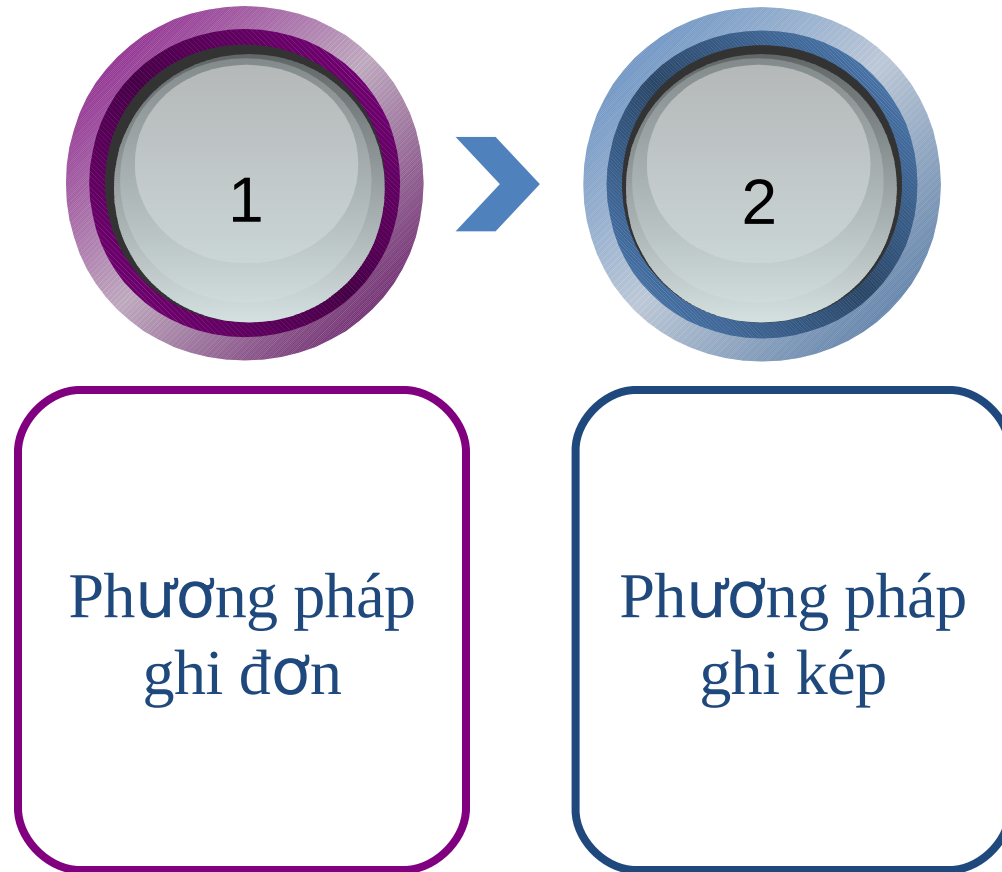
2

**Tài khoản
chi tiết**

4.2.3.4 Phân loại theo mối quan hệ với báo cáo tài chính



4.3 Phương pháp ghi chép trên tài khoản kế toán



4.3.1 Phương pháp ghi đơn

- **Khái niệm:** Ghi đơn trên tài khoản kế toán là việc phản ánh nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào một tài khoản riêng biệt, độc lập, không có mối quan hệ với các đối tượng kế toán khác
- **VD minh họa:** Doanh nghiệp thuê ngoài một tài sản cố định hữu hình trị giá 100 triệu đồng.
 - ⇒ Khi nhận tài sản cố định hữu hình thuê ngoài, kế toán ghi????
 - ⇒ Khi trả lại tài sản cố định thuê ngoài này, kế toán ghi????

4.3.1 Phương pháp ghi đơn

- **Ưu điểm:** phản ánh kiểm tra và giám sát được sự vận động riêng rẽ, độc lập của bản thân từng đối tượng kế toán cụ thể.
- **Hạn chế:** chưa thể hiện được mối quan hệ khách quan giữa các đối tượng kế toán khi có nghiệp vụ kinh tế phát sinh.
- Ghi đơn thực hiện ở các trường hợp sau:
 - Ghi chép phản ánh nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào các tài khoản chi tiết.
 - Ghi chép phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào các tài khoản ngoài bảng.

4.3.2 Phương pháp ghi kép

- **Khái niệm:** Ghi kép trên tài khoản là phương thức phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào ít nhất hai tài khoản kế toán có liên quan theo đúng nội dung kinh tế của nghiệp vụ và mối quan hệ khách quan giữa các đối tượng kế toán.
- **Ví dụ minh họa 1:** Rút tiền gửi ngân hàng về nhập quỹ tiền mặt 50 triệu đồng
 - ⇒ Có những đối tượng kế toán nào bị tác động?
 - ⇒ Sử dụng bao nhiêu tài khoản kế toán để phản ánh?
 - ⇒ Đối tượng kế toán nào tăng? Giảm? Phản ánh vào bên Nợ hay bên Có?
 - ⇒ Sơ đồ chữ T?
 - ⇒ Từ sơ đồ chuyển thành **định khoản**?

4.3.2 Phương pháp ghi kép

- **Ví dụ minh họa 2:** Mua một số nguyên vật liệu trị giá 20 triệu đồng, $\frac{1}{2}$ đã thanh toán bằng tiền mặt, $\frac{1}{2}$ đang nhận nợ người bán.
 - ⇒ Có những đối tượng kế toán nào bị tác động?
 - ⇒ Sử dụng bao nhiêu tài khoản kế toán để phản ánh?
 - ⇒ Đối tượng kế toán nào tăng? Giảm? Phản ánh vào bên Nợ hay bên Có?
 - ⇒ Sơ đồ chữ T?
 - ⇒ Từ sơ đồ chuyển thành **định khoản**?

4.3.2 Phương pháp ghi kép

* *Chú ý: Định khoản kế toán?*

- **Khái niệm:** là việc xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để phản ánh nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo đúng mối quan hệ giữa các đối tượng kế toán.
- Định khoản kế toán tiến hành qua **2 bước:**
 - + **Bước 1:** Căn cứ vào nội dung nghiệp vụ kinh tế xác định tài khoản kế toán cần sử dụng.
 - + **Bước 2:** Căn cứ vào nội dung kinh tế của nghiệp vụ và mối quan hệ kinh tế khách quan giữa các đối tượng kế toán xác định tài khoản ghi Nợ tài khoản ghi Có.

4.3.2 Phương pháp ghi kép

* **Chú ý: Định khoản kế toán?**

- *Gồm 2 loại*
- + *Định khoản kế toán giản đơn* là định khoản kế toán chỉ liên quan đến hai tài khoản tổng hợp.
- + *Định khoản kế toán phức tạp* là định khoản kế toán liên quan ít nhất đến 3 tài khoản tổng hợp; có thể có các dạng sau:
 - *Nghiệp vụ kinh tế phát sinh ghi Nợ 1 tài khoản đối ứng với ghi Có cho nhiều tài khoản khác.*
 - *Nghiệp vụ kinh tế phát sinh ghi Có 1 tài khoản đối ứng với ghi Nợ cho nhiều tài khoản khác.*
 - *Nghiệp vụ kinh tế phát sinh ghi Nợ nhiều tài khoản đối ứng với ghi có nhiều tài khoản khác.*

4.3.2 Phương pháp ghi kép

*** Chú ý: Định khoản kế toán?**

+ Mô hình định khoản kế toán giản đơn

Nợ TK.....

Có TK

+ Mô hình định khoản kế toán phức tạp

1

2

3

Nợ TK

Nợ TK....

Có TK....

Nợ TK

Có TK....

Có TK....

Nợ TK

Nợ TK....

Có TK....

Có TK....

4.3.2 Phương pháp ghi kép

* Nguyên tắc của ghi kép:

- + Mỗi nghiệp vụ kinh tế phát sinh được ghi ít nhất vào 2 tài khoản kế toán có liên quan.

- + Nghiệp vụ kinh tế phát sinh bao giờ cũng được ghi
 - ✓ Ghi Nợ 1 tài khoản đối ứng với ghi Có của một hay nhiều tài khoản khác
 - ✓ Ghi Có 1 tài khoản đối ứng với ghi Nợ của một hay nhiều tài khoản khác
 - ✓ Ghi Nợ nhiều tài khoản đối ứng với ghi Có nhiều tài khoản trong cùng một định khoản.

- + Trong một định khoản kế toán: Số tiền ghi Nợ = Số tiền ghi Có
Do đó: Tổng số tiền phát sinh bên Nợ = Tổng số tiền phát sinh bên Có.

4.4 Kế toán tổng hợp và kế toán chi tiết

4.4.1 Kế toán tổng hợp

- **Khái niệm:** là việc sử dụng các tài khoản kế toán để phản ánh, kiểm tra và giám sát các đối tượng kế toán có nội dung kinh tế ở dạng tổng quát.
- **Đặc điểm;**
 - + Được thực hiện trên các tài khoản kế toán cấp I và nó được quy định thống nhất về số lượng tài khoản, tên gọi, ký hiệu và nội dung, kết cấu của tài khoản.
 - + Trong quá trình quản lý, nhà quản lý rất cần các tài liệu tổng hợp theo từng đối tượng kế toán bên cạnh đó còn cần những tài liệu chi tiết tỉ mỉ hơn để có thể kiểm tra, giám sát cụ thể tình hình hiện có và sự vận động của từng đối tượng kế toán đó.

4.4 Kế toán tổng hợp và kế toán chi tiết

4.4.2 Kế toán chi tiết

- **Khái niệm:** là việc tổ chức, phản ánh, kiểm tra và giám sát một cách chặt chẽ, tỉ mỉ chi tiết theo yêu cầu quản lý đối với các đối tượng kế toán đã được hạch toán tổng hợp trên các tài khoản .

- **Đặc điểm :**
 - + Kế toán chi tiết được tổ chức theo 2 hình thức là tài khoản chi tiết (tài khoản cấp II, cấp III...) và sổ chi tiết.
 - + Không chỉ sử dụng thước đo tiền tệ mà còn sử dụng các loại thước đo khác như thước đo hiện vật, thước đo lao động .

4.4 Kế toán tổng hợp và kế toán chi tiết

4.4.3 *Mối quan hệ giữa kế toán tổng hợp và kế toán chi tiết*

- Kế toán tổng hợp và kế toán chi tiết phải tiến hành đồng thời.
- Tổng số phát sinh trong kỳ bên Nợ, bên Có và các số dư bằng tiền của các tài khoản chi tiết hoặc các sổ chi tiết của một tài khoản tổng hợp phải bằng tổng số phát sinh trong kỳ bên Nợ, bên Có và số dư của chính tài khoản tổng hợp đó

4.5 Hệ thống tài khoản kế toán

4.5.1. Nội dung và nguyên tắc xây dựng hệ thống tài khoản kế toán.

- * **Nội dung:** là danh mục hệ thống hoá các tài khoản kế toán sử dụng để phản ánh các loại tài sản, nguồn vốn, các quá trình sản xuất kinh doanh nhằm thu thập thông tin phục vụ công tác quản lý

- * **Nguyên tắc:**
 - + Phải phù hợp với cơ chế, chính sách quản lý kinh tế tài chính hiện hành, đồng thời phải xét đến sự phát triển trong tương lai về chính sách quản lý kinh tế tài chính.
 - + Có số lượng các tài khoản phản ánh đầy đủ các nội dung đối tượng kế toán và không trùng lặp.
 - + Các tài khoản kế toán được sắp xếp khoa học, logic theo mối quan hệ giữa các tài khoản và đáp ứng yêu cầu thông tin phục vụ công tác quản lý...

4.5 Hệ thống tài khoản kế toán

4.5.2. Phương pháp xây dựng hệ thống tài khoản kế toán.

- Hệ thống tài khoản kế toán của Việt Nam được ban hành theo QĐ 15/QĐ-BTC, ngày 20/03/2006, gồm 86 tài khoản cấp 1 và hơn 120 tài khoản cấp 2, được sắp xếp theo trình tự nhất định
- Bảng danh mục hệ thống tài khoản, kết cấu gồm 5 cột:
 - + Cột 1: Số thứ tự.
 - + Cột 2: Số hiệu TK cấp 1 (tài khoản tổng hợp)
 - + Cột 3: Số hiệu TK cấp 2 (tài khoản chi tiết)
 - + Cột 4: Tên tài khoản
 - + Cột 5: Cột ghi chú (đối tượng hạch toán cụ thể của một số tài khoản)

4.5 Hệ thống tài khoản kế toán

- Hệ thống tài khoản của các đơn vị hành chính sự nghiệp
- Hệ thống tài khoản của các tổ chức tín dụng
- Hệ thống tài khoản của các công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ và quỹ đầu tư
- Hệ thống tài khoản của các DN nhỏ và vừa (SMEs)
- Hệ thống tài khoản của các đơn vị chủ đầu tư
-